

Số: 38

Ngày 23/9/2024

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 38 có các nội dung đáng chú ý sau:

- Nghị quyết 128 của Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên được giao theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- Nghị định 112/2024/NĐ-CP quy định ngân sách Nhà nước hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa.
- Danh mục tài sản công tại cơ quan Nhà nước được khai thác gồm: Nhà ở công vụ; quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền phần mềm ứng dụng; cơ sở dữ liệu.
- Quyết định của Thủ tướng chính phủ lấy ngày 06 tháng 8 hàng năm là Ngày An ninh mạng Việt Nam.
- Dự thảo chính sách: Bản tin giới thiệu dự thảo Nghị định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước và dự thảo Nghị định quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN ĐƯỢC GIAO THEO ĐÚNG CHỈ ĐẠO CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Đây là nội dung được quy định tại Nghị quyết 128/NQ-CP Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2024. Theo đó, Chính phủ yêu cầu tiếp tục ưu tiên tối đa cho thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; kiên quyết tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển. Các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao nắm chắc tình hình thị trường, giá cả hàng hóa để có giải pháp phù hợp, hiệu quả ổn định thị trường. Thúc đẩy sản xuất, bảo đảm cung ứng đầy đủ nguồn hàng, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gây tăng giá đột biến, nhất là thời điểm thị trường có nhu cầu tăng cao và tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai quy định về quản lý giá, thuế, phí, ổn định giá nguyên vật liệu, mặt hàng thiết yếu cho sản xuất kinh doanh và đời sống của Nhân dân; xử lý nghiêm theo pháp luật các hành vi đầu cơ, găm hàng tăng giá, thao túng giá.

Các Bộ, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia và cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ trong tham mưu, quản lý, điều hành

kinh tế vĩ mô, bảo đảm thực hiện đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả các chính sách tiền tệ, tài khóa, thương mại, đầu tư và các chính sách vĩ mô khác; theo dõi sát diễn biến, tình hình để có phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả, không điều hành “giật cục”.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 08/9/2024.

2. NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ 1.500.000 ĐỒNG/HA/NĂM ĐỐI VỚI ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA

Ngày 11/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Nghị định này quy định về vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa; bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa; nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa và chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại cho vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa như sau: Hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa; hỗ trợ 750.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại, trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch,

kế hoạch sử dụng đất trồng lúa; hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định sau: Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã; hỗ trợ mua bán quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

Doanh nghiệp được ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí khi thực hiện đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, giao thông tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 11/9/2024.

3. BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Ngày 15/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 114/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Sau đây là một số nội dung đáng chú ý của Nghị định này.

Cụ thể, danh mục tài sản công tại cơ quan Nhà nước được khai thác gồm: Nhà ở công vụ; quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền phần mềm ứng dụng; cơ sở dữ liệu.

Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan Nhà nước (nhà ăn, căn tin; nhà/bãi để xe; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động; vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền)...

Việc khai thác tài sản công tại cơ quan Nhà nước phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

Không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan Nhà nước; không vi phạm các điều cấm của luật; bảo đảm tính công khai, minh bạch; tuân thủ các quy định của pháp luật; không làm thay đổi kết cấu, kiến trúc, nguyên trạng tài sản công (trừ trường hợp đầu tư thêm để nâng cao giá trị sử dụng của tài sản; phần giá trị tài sản đầu tư thêm thuộc về cơ quan có tài sản sau khi hết thời hạn khai thác); không làm mất quyền sử dụng đất của cơ quan, quyền sở hữu về tài sản công.

Bổ sung quy định giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan Nhà

nước. Theo đó, việc giao tài sản cho cơ quan Nhà nước được thực hiện như sau: Thẩm quyền quyết định giao tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Thủ tục giao tài sản của dự án sử dụng vốn Nhà nước thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương VI Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Chương IX Nghị định 151/2017/NĐ-CP. Thủ tục giao tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương VI Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Thủ tục giao đất để xây dựng trụ sở làm việc được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 30/10/2024.

4. QUY ĐỊNH VỀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

Ngày 16/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 115/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

Theo đó, để bảo đảm cạnh tranh, kể từ ngày phát hành hồ sơ mời quan tâm, nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất phải độc lập về pháp lý và độc

lập về tài chính với các bên: Cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm; nhà thầu tư vấn lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư), hồ sơ đề xuất dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư), trừ trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất; nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi tổ chức mời quan tâm, trừ trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất.

Nghị định quy định đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi đối với nhà đầu tư có giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Nhà đầu tư cam kết chuyển giao công nghệ, thực hiện hoạt động công nghệ cao đối với các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ với điều kiện khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải nộp các tài liệu chứng minh giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất, quyền sử

dụng hợp pháp công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, chuyên giao công nghệ, bảo vệ môi trường, pháp luật khác có liên quan để được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị định này.

Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dự án áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ... thực hiện theo quy định cụ thể tại Nghị định này. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 16/9/2024.

5. CÔNG BỐ MÔ HÌNH THÀNH PHẦN HẠ TẦNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRƯỚC NGÀY 30/9/2024

Ngày 16/9/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 34/CT-TTg về xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.

Theo đó, nguyên tắc xây dựng Đề án: Lựa chọn đưa vào đề án các mũi đột phá có phạm vi ảnh hưởng sâu rộng tới ngành, lĩnh vực, địa phương thuộc phạm vi quản lý; các mũi đột phá có thể tập trung vào nội hàm phát triển kinh tế số với 4 trụ cột là công nghiệp công nghệ thông tin, kinh tế số ngành, quản trị số và dữ liệu số hoặc phát triển Chính phủ số, chính quyền số, đô thị thông minh theo nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm...

Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chủ trì xác định các mũi đột phá, bảo đảm có đề án mang tính đột phá thực hiện chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương

mình; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về triển khai đề án tại ngành, lĩnh vực, địa phương mình quản lý. Định kỳ hàng tháng tổ chức họp đề rà soát, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai đề án.

Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số công bố mô hình thành phần hạ tầng chuyển đổi số, trong đó xác định rõ trách nhiệm, cơ quan chủ trì, hoàn thành trước ngày 30/9/2024; tổng hợp kết quả triển khai của các bộ, ngành, địa phương (có ý kiến về tính khả thi, đồng bộ khi cần thiết) tại báo cáo định kỳ về chuyển đổi số, kịp thời tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai phù hợp với tình hình thực tế. Bộ Công an xây dựng, hoàn thiện tài liệu tổng hợp bài học kinh nghiệm, cách làm từ Đề án 06, phổ biến cho các bộ, ngành, địa phương để tham khảo, hoàn thành trước ngày 20/9/2024.

6. NGÀY 06 THÁNG 8 HÀNG NĂM LÀ NGÀY AN NINH MẠNG VIỆT NAM

Đây là nội dung được quy định tại Quyết định số 1013/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Mục đích tổ chức Ngày an ninh mạng hằng năm nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ về an ninh mạng quốc gia; nâng cao nhận thức của người dân toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của an ninh mạng; thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân bảo đảm sự hoạt động hiệu quả của công tác bảo đảm an ninh mạng.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông Ngày An ninh mạng Việt Nam hằng năm bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam xây dựng kế hoạch tuyên

truyền trên các kênh về an ninh mạng và Ngày An ninh mạng Việt Nam. Các cơ quan thông tấn, báo chí ở trung ương và địa phương thực hiện đẩy mạnh việc tuyên truyền, quảng bá về Ngày An ninh mạng Việt Nam; xây dựng các chương trình giới thiệu và tuyên dương các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp điển hình đã đi đầu trong việc triển khai công tác bảo đảm an ninh mạng; tổ chức truyền thông đối ngoại, quảng bá Ngày An ninh mạng Việt Nam ra nước ngoài.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. TĂNG MỨC TRỢ CẤP HÀNG THÁNG CỦA QUÂN NHÂN ĐÃ PHỤC VIÊN, XUẤT NGŨ

Ngày 17/09/2024, Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư 53/2024/TT-BQP quy định điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Điều chỉnh tăng thêm 15% trên mức trợ cấp hàng tháng của tháng 6/2024 đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo công thức: Mức trợ cấp hàng tháng được hưởng từ tháng 7/2024 = Mức trợ cấp hàng tháng được hưởng tại thời điểm tháng 6/2024 x 1,150

Mức trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc cụ thể như sau: Từ đủ 15 năm

đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 2.628.000 đồng/tháng; từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 2.746.000 đồng/tháng; từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 2.868.000 đồng/tháng; từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 2.988.000 đồng/tháng; từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 3.105.000 đồng/tháng.

Tổng cục Chính trị chỉ đạo Cục Chính sách chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng trong và ngoài Quân đội triển khai thực hiện hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Thông tư này.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2024.

8. BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Ngày 18/9/2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch

chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tư này bổ sung quy định giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức như sau: Công ty chứng khoán thực hiện đánh giá rủi ro thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức để xác định mức tiền phải có khi đặt lệnh mua cổ phiếu theo thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức;

Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thanh toán đủ tiền cho giao dịch mua cổ phiếu, nghĩa vụ thanh toán giao dịch thiếu tiền được chuyển cho công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh thông qua tài khoản tự doanh, ngoại trừ trường hợp: Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mở tài khoản lưu ký chứng khoán chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch thiếu tiền và các chi phí phát sinh trong trường hợp xác nhận sai số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức với công ty chứng khoán dẫn tới thiếu tiền thanh toán giao dịch mua cổ phiếu.

Công ty chứng khoán được chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm q1 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2020/TT-BTC hoặc bán thỏa thuận trên hệ thống giao dịch chứng

khoán đối với số cổ phiếu đã chuyển về tài khoản tự doanh của mình cho nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thiếu tiền thanh toán giao dịch mua cổ phiếu theo quy định chậm nhất vào ngày giao dịch liền kề sau ngày cổ phiếu được hạch toán vào tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán và đảm bảo không làm vượt quá hạn mức tối đa về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật đối với cổ phiếu đó.

Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình như sau: Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2025; tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2026; công ty đại chúng không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b khoản này công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2027; công ty đại chúng không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b khoản này công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2028.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 02/11/2024.

9. BỘ TƯ PHÁP BAN HÀNH TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Ngày 06/9/2024, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư 09/2024/TT-BTP quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

Viên chức trợ giúp viên pháp lý đăng ký dự xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: Đang giữ chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng III và đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 05/2022/TT-BTP; tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP; tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức

danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý bao gồm: Sơ yếu lý lịch viên chức; bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập; văn bản xác nhận vụ việc tham gia tổ tụng thành công; bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý; bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu; bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền.

Sở Tư pháp gửi công văn đề nghị Cục Trợ giúp pháp lý xác nhận vụ việc tham gia tổ tụng thành công và bản sao hồ sơ vụ việc tham gia tổ tụng gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2024.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG TRONG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang lấy ý kiến Nhân dân và các bộ, ngành, đơn vị có liên quan về dự thảo Nghị định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước. Theo đó, đối

với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Doanh nghiệp; doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 88 Luật Doanh nghiệp (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

Lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng (bao gồm cả tiền thưởng trong quỹ lương) trong doanh nghiệp được xác định gắn với nhiệm vụ, năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phù hợp với ngành nghề, tính chất hoạt động của doanh nghiệp, hướng đến bảo đảm mặt bằng tiền lương trên thị trường. Nhà nước thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thông qua giao nhiệm vụ, trách nhiệm cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp; đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu giao nhiệm vụ, trách nhiệm cho người đại diện phần vốn nhà nước tham gia, biểu quyết, quyết định tại cuộc họp của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Căn cứ quy định của Nhà nước, Điều lệ hoạt động, doanh nghiệp quyết định việc tuyển dụng, sử dụng lao động, xây dựng thang, bảng lương, định mức lao động, xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng và trả lương, thưởng đối với người lao động theo vị trí chức danh hoặc công việc, bảo đảm trả lương, thưởng thỏa đáng, không hạn chế mức tối đa đối với chuyên gia, người có tài năng, trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đóng góp nhiều cho doanh nghiệp.

Doanh nghiệp thực hiện tuyển và sử dụng lao động phù hợp với tổ

chức lao động, tổ chức sản xuất, yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật, nội quy, quy chế và Điều lệ của doanh nghiệp. Hằng năm, doanh nghiệp phải xây dựng kế hoạch lao động, báo cáo Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty phê duyệt làm cơ sở để tuyển và sử dụng lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động. Đối với doanh nghiệp tuyển lao động vượt quá nhu cầu sử dụng dẫn đến người lao động không đủ việc làm hoặc không có việc làm, phải chấm dứt hợp đồng lao động, làm tăng chi phí của doanh nghiệp thì tùy theo hậu quả, Tổng giám đốc, Giám đốc, Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu và đây là một nội dung để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Tổng giám đốc, Giám đốc và Thành viên hội đồng.

2. ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ

Bộ Giao thông vận tải đang lấy ý kiến Nhân dân và các bộ, ngành, đơn vị có liên quan đối với nội dung dự thảo Nghị định quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Theo đó, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng sử dụng xe ô tô chở người đảm bảo đúng quy định tại khoản 10 Điều 56 Luật Đường bộ; phải có phù hiệu "XE HỢP ĐỒNG" và được dán cố định phía bên phải mặt trong kính

trước của xe; phải được niêm yết các thông tin khác trên xe; phải được niêm yết (dán cố định) cụm từ “XE HỢP ĐỒNG” làm bằng vật liệu phản quang trên kính phía trước và kính phía sau xe; với kích thước tối thiểu của cụm từ “XE HỢP ĐỒNG” là 06 x 20 cm. Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) hoặc xe ô tô có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) phải có hợp đồng vận tải bằng văn bản giữa đơn vị kinh doanh vận tải hành khách với người thuê vận tải thuê cả chuyến xe, bao gồm cả người lái xe. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng lưu trữ hợp đồng vận chuyển kèm theo danh sách hành khách tối thiểu 03 năm. Ngoài hoạt động cấp cứu người, phục vụ các nhiệm vụ khẩn cấp như thiên tai, dịch họa theo yêu cầu của lực lượng chức năng, xe ô tô vận chuyển hành khách theo hợp đồng không được đón, trả khách ngoài các địa điểm ghi trong hợp đồng.

Đối với kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, việc sử dụng xe ô tô có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống để vận chuyển hàng hóa và người thuê vận tải trả tiền cho lái xe theo đồng hồ tính tiền hoặc theo phần mềm tính tiền trên xe. Mặt ngoài hai bên thành xe hoặc cánh cửa xe niêm

yết chữ “TAXI TẢI”, số điện thoại liên lạc, tên đơn vị kinh doanh. Đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa phải cấp cho lái xe Giấy vận tải (Giấy vận chuyển) trong quá trình vận chuyển hàng hóa trên đường. Giấy vận tải (Giấy vận chuyển) phải có xác nhận (ký, ghi rõ họ và tên) khối lượng hàng hóa đã xếp lên phương tiện của chủ hàng (hoặc người được chủ hàng ủy quyền) hoặc đại diện đơn vị, cá nhân thực hiện việc xếp hàng. Khi vận chuyển hàng hóa, lái xe phải mang theo Giấy vận tải (Giấy vận chuyển) bằng văn bản giấy hoặc phải có thiết bị để truy cập vào phần mềm thể hiện nội dung của Giấy vận tải (Giấy vận chuyển) và các giấy tờ của lái xe và phương tiện theo quy định của pháp luật. Đơn vị kinh doanh vận tải và lái xe không được chở hàng vượt quá khối lượng cho phép tham gia giao thông. Giấy vận tải (Giấy vận chuyển) bằng văn bản giấy hoặc điện tử do đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa tự phát hành và có các thông tin tối thiểu gồm: Tên đơn vị vận tải; biển kiểm soát xe; tên đơn vị hoặc người thuê vận tải; hành trình (điểm đầu, điểm cuối); số hợp đồng, ngày tháng năm ký hợp đồng (nếu có); loại hàng và khối lượng hàng vận chuyển trên xe. Đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa phải thực hiện lưu trữ Giấy vận tải (Giấy vận chuyển) của các chuyến xe đã thực hiện trong thời gian tối thiểu 03 năm.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Lái xe ô tô tham gia giao thông chở trẻ em dưới 10 tuổi có được cho trẻ em ngồi cùng hàng ghế với người lái xe không?*

Trả lời: Theo khoản 3 Điều 10 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định khi chở trẻ em dưới 10 tuổi và chiều cao dưới 1,35 mét trên xe ô tô không được cho trẻ em ngồi cùng hàng ghế với người lái xe, trừ loại xe ô tô chỉ có một hàng ghế; người lái xe phải sử dụng, hướng dẫn sử dụng thiết bị an toàn phù hợp cho trẻ em.

2. Hỏi: *Xe ô tô kinh doanh vận tải chở trẻ em mầm non, học sinh tiểu học cần bố trí tối thiểu bao nhiêu người quản lý trên xe? Trách nhiệm của người quản lý trên xe?*

Trả lời: Theo khoản 3 Điều 46 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định xe ô tô kinh doanh vận tải khi đưa đón trẻ em mầm non, học sinh tiểu học phải bố trí tối thiểu 01 người quản lý trên mỗi xe ô tô để hướng dẫn, giám sát, duy trì trật tự và bảo đảm an toàn cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học trong suốt chuyến đi. Trường hợp xe từ 29 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) mà chở từ 27 trẻ em mầm non và học sinh tiểu học trở lên phải bố trí tối thiểu 02 người quản lý trên mỗi xe ô tô. Người quản lý, người lái xe có trách nhiệm kiểm tra trẻ em mầm non, học sinh tiểu học khi xuống xe; không được để trẻ em mầm non, học sinh tiểu học trên xe khi người quản lý và người lái xe đã rời xe.

3. Hỏi: *Biển số xe được phân loại như thế nào?*

Trả lời: Theo khoản 2 Điều 36 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định biển số xe được phân loại như sau:

a) Biển số xe nền màu xanh, chữ và số màu trắng cấp cho xe của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Biển số xe nền màu đỏ, chữ và số màu trắng cấp cho xe quân sự;

c) Biển số xe nền màu vàng, chữ và số màu đen cấp cho xe hoạt động kinh doanh vận tải;

d) Biển số xe nền màu trắng, chữ và số màu đen cấp cho xe của các tổ chức, cá nhân trong nước, không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

đ) Biển số xe nền màu trắng, chữ màu đỏ, số màu đen, có ký hiệu “NG” cấp cho xe của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và nhân viên nước ngoài mang chứng minh thư ngoại giao của cơ quan đó;

e) Biển số xe nền màu trắng, chữ màu đỏ, số màu đen, có ký hiệu “QT” cấp cho xe của cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài mang chứng minh thư ngoại giao của tổ chức đó;

g) Biển số xe nền màu trắng, chữ và số màu đen, có ký hiệu “CV” cấp cho xe của các nhân viên hành chính kỹ thuật mang chứng minh thư công vụ của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, tổ chức quốc tế;

h) Biển số xe nền màu trắng, chữ và số màu đen, có ký hiệu “NN” cấp cho xe của tổ chức, văn phòng đại

diện, cá nhân nước ngoài, trừ đối tượng quy định tại điểm g khoản này;

i) Biển số xe loại khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

4. Hỏi: Từ 01/01/2025, giấy phép lái xe được quy định gồm những hạng nào?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định từ 01/01/2025, giấy phép lái xe bao gồm các hạng sau đây:

a) Hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW;

b) Hạng A cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kW và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

c) Hạng B1 cấp cho người lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

d) Hạng B cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

đ) Hạng C1 cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng

toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B;

e) Hạng C cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B và hạng C1;

g) Hạng D1 cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C;

h) Hạng D2 cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1;

i) Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2;

k) Hạng BE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

l) Hạng C1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

m) Hạng CE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc;

n) Hạng D1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

o) Hạng D2E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

p) Hạng DE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nối toa./.